

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
đã được kiểm toán**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-31
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Ủy viên
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Ủy viên
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Giám đốc Điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thị trường xuất khẩu
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Trần Xoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Hoàng Văn Điều

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 15 tháng 03 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Trong năm 2011 Công ty thực hiện thay đổi thời gian khấu hao đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất đã làm giảm chi phí và tăng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2011 với số tiền là 1.299.277.568 VND.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính: Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo quy định của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Nếu Công ty hạch toán theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam thì toàn bộ khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với số tiền là 827.746.322 VND sẽ được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính hợp nhất trong năm 2011.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Bùi Văn Thảo

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0522/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2012

Nguyễn Anh Ngọc

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		116.573.954.921	120.877.452.471
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	28.653.215.268	22.953.387.378
111	1. Tiền		13.653.215.268	19.453.387.378
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	3.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	350.000.000	14.834.560.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		350.000.000	14.834.560.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		26.226.006.045	19.791.837.447
131	1. Phải thu của khách hàng		24.061.172.790	18.578.969.514
132	2. Trả trước cho người bán		1.786.526.762	875.548.680
135	5. Các khoản phải thu khác	5	772.716.872	935.922.134
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(394.410.379)	(598.602.881)
140	IV. Hàng tồn kho	6	58.004.822.825	60.381.708.932
141	1. Hàng tồn kho		58.004.822.825	60.381.708.932
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.339.910.783	2.915.958.714
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		809.291.540	1.183.943.469
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.480.686.128	1.719.993.646
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		34.761.642	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		15.171.473	12.021.599
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		129.759.159.473	147.486.924.887
220	II. Tài sản cố định		72.303.438.208	94.837.489.270
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	65.249.947.120	76.832.332.683
222	- Nguyên giá		133.688.270.492	138.964.084.800
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(68.438.323.372)	(62.131.752.117)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	5.663.542.531	12.719.860.943
228	- Nguyên giá		6.813.119.688	14.995.178.935
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.149.577.157)	(2.275.317.992)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	1.389.948.557	5.285.295.644
240	III. Bất động sản đầu tư	10	42.711.540.851	40.777.780.545
241	- Nguyên giá		52.481.862.189	46.940.018.402
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.770.321.338)	(6.162.237.857)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	10.057.534.486	8.521.952.870
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		9.935.205.286	8.399.623.670
258	3. Đầu tư dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.686.645.928	3.349.702.202
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.644.010.299	3.349.702.202
268	3. Tài sản dài hạn khác		42.635.629	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		246.333.114.394	268.364.377.358

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		41.909.471.826	60.062.124.739
310	I. Nợ ngắn hạn		41.063.602.189	58.016.099.915
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	23.995.590.265	24.291.199.358
312	2. Phải trả người bán		9.786.765.458	9.664.092.877
313	3. Người mua trả tiền trước		881.105.000	4.828.080.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	503.217.426	1.242.394.681
315	5. Phải trả người lao động		2.168.595.812	1.920.972.978
316	6. Chi phí phải trả		54.717.898	267.349.226
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	3.466.093.934	15.353.247.569
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		207.516.396	448.763.226
330	II. Nợ dài hạn		845.869.637	2.046.024.824
334	4. Vay và nợ dài hạn	16	807.177.764	2.018.565.764
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		38.691.873	27.459.060
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		205.098.181.034	200.542.931.737
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	205.098.181.034	200.542.931.737
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.120.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
414	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(10.370.746.687)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(827.746.322)	(1.041.776.623)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.242.204.294	910.934.456
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.890.894.333
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.931.180.846	6.625.396.768
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		(674.538.466)	7.759.320.882
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		246.333.114.394	268.364.377.358

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		392.042.833	148.735.948
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	1.388.433.438
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		3.645,87	3.645,87
- Đồng Euro (EUR)		522,96	522,96

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	164.354.216.810	132.787.094.737
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	1.370.685.810	272.666.876
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	162.983.531.000	132.514.427.861
11	4. Giá vốn hàng bán	21	154.044.523.197	118.835.892.804
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.939.007.803	13.678.535.057
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	8.451.985.837	4.631.693.120
22	7. Chi phí tài chính	23	5.121.896.679	6.891.516.908
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.229.140.277	2.738.310.067
24	8. Chi phí bán hàng		1.378.759.853	1.287.194.399
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.969.679.247	4.282.407.037
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.920.657.861	5.849.109.833
31	11. Thu nhập khác		768.414.596	4.179.979.749
32	12. Chi phí khác		1.357.488.668	3.335.358.528
40	13. Lợi nhuận khác		(589.074.072)	844.621.221
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		699.581.616	1.036.669.822
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.031.165.405	7.730.400.876
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	370.695.042	1.369.057.720
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.660.470.363	6.361.343.156
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(236.170.348)	(264.053.612)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>5.896.640.711</u>	<u>6.625.396.768</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.198	1.414

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.031.165.405	7.730.400.876
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		14.935.765.798	15.250.638.973
03	Các khoản dự phòng		(204.192.502)	488.851.907
04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	1.383.938.099
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		8.267.385.151	(2.337.732.382)
06	Chi phí lãi vay		2.229.140.277	2.738.310.067
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.259.264.129	25.254.407.540
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(6.805.818.452)	5.215.895.486
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		2.376.886.107	(15.434.573.657)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(26.769.841.925)	10.666.884.755
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(919.656.168)	(1.616.535.352)
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.229.140.277)	(2.738.310.067)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.012.831.686)	(657.564.032)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		90.563.760	5.157.626.795
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(90.563.760)	(5.384.495.113)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.101.138.272)	20.463.336.355
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.811.698.045)	(17.280.409.107)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		440.840.909	1.332.111.111
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị		(5.200.000.000)	(203.916.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.684.560.000	2.837.832.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.400.000.000)	2.600.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.857.732.084	2.337.732.382
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.571.434.948	(8.376.649.614)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.295.834.920)	(2.430.517.090)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		49.108.903.003	70.262.737.567
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(52.579.074.087)	(84.304.278.887)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.580.078.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.766.006.004)	(20.052.137.010)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.704.290.672	(7.965.450.269)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		22.953.387.378	30.919.172.363
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.462.782)	(334.716)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>28.653.215.268</u>	<u>22.953.387.378</u>

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2011****1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 53.562.130.000 VND. Tương đương 5.356.212 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
- Xí nghiệp Giấy Alta	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất khăn giấy
- Xí nghiệp sản xuất nhựa xuất khẩu	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất túi xếp xuất khẩu
- Xí nghiệp In tổng hợp	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Trung tâm Thương mại & Giải trí Lạc Hồng	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ
- Nhà hàng - Bar - Cafe Blue Star	TP Hồ Chí Minh	Nhà hàng, Bar, cafe
- Khu dịch vụ giải trí điện tử	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí điện tử
- Rạp Alta 4D-MovieRide	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D
- Rạp Alta 4D-Max Suối Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D
- Khu dịch vụ giải trí điện tử tại Suối Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí điện tử
- Khu Dịch vụ giải trí điện tử tại Maximark 3T2	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí điện tử
- Trung tâm Chế bản & Kỹ thuật in	TP Hồ Chí Minh	Chế bản
- Trung tâm Sản xuất và Phát hành băng, đĩa nhạc	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh băng đĩa nhạc
- Trung tâm Phát triển sản phẩm Alta	TP Hồ Chí Minh	Phát triển sản phẩm mới

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Số 17 Đường Đông Sơn, Phường 7, Quận Tân Bình
- Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Hoa Hướng Dương	Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty liên doanh sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt	Lô II - 3, Đường số 11, Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Y khoa Song An (1)	Số 11, Đường Trường Trinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

(1) Công ty Cổ phần Y khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chưa chính thức đi vào hoạt động.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành ảnh, ngành bao bì, ngành đồ chơi trẻ em và thiết bị giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng và đĩa từ (audio và video) có chương trình;
- Kinh doanh thương mại và dịch vụ tổng hợp, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hoá vui chơi giải trí;
- Sửa chữa, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa từ và các dịch vụ đời sống khác; tham gia hoặc trực tiếp đầu tư trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hoá và kỹ thuật sản xuất các sản phẩm ngành văn hoá;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mực in;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ uốn tóc, trang điểm, cho thuê đồ cưới, may mặc, thiết kế đồ hoạ, vẽ mỹ thuật;
- Lắp ráp máy móc thiết bị cơ điện, sản xuất gia công hàng mỹ nghệ, mỹ phẩm;
- Kinh doanh các loại hình văn hoá vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung được phép lưu hành);
- Dịch vụ trang điểm, săn sóc da mặt (trừ kinh doanh các hoạt động gây chảy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng.
- Mua bán văn hóa phẩm, sách báo, băng, đĩa từ có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhạc tại trụ sở); hàng điện tử, điện máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kỹ thuật số (máy chụp ảnh, máy quay phim, điện thoại);
- Đại lý cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở); dịch vụ giữ xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhựa (không tái chế phế thải tại trụ sở);

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh đại lý dịch vụ truy cập và truy nhập Internet);
- Bán buôn đồ uống có cồn và không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí, tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở);
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu kỳ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07 năm
- Tài sản cố định khác	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Quyền sử dụng đất	42 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất (tại thửa đất Lô II-3 đường số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng đến ngày 17/6/2047) và phần mềm quản lý. Trong đó quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng.

Trong năm 2011, để đảm bảo sự phù hợp giữa chi phí kế toán và chi phí tính thuế TNDN, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao đối với tài sản vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn từ mức thời gian khấu hao nhanh sang mức thời gian khấu hao theo đúng thời hạn được cấp quyền sử dụng căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Toàn bộ chi phí khấu hao do ảnh hưởng của việc thay đổi thời gian khấu hao từ tháng 10 năm 2005 đến hết năm 2010 được ghi giảm chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2011 với số tiền 1.299.277.568 đồng (trong đó khấu hao điều chỉnh năm 2005 là 61.870.388 đồng và từ năm 2006 tới năm 2010 mỗi năm là 247.481.436 đồng) làm tăng kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2011 với số tiền tương ứng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như tài sản cố định khác của Công ty.

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ phải trả dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	7.047.103.433	12.373.972.858
Tiền gửi ngân hàng	6.606.111.835	7.079.414.520
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	15.000.000.000	3.500.000.000
	28.653.215.268	22.953.387.378

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	350.000.000	14.834.560.000
	350.000.000	14.834.560.000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	376.000.000	188.000.000
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	541.324.000
Phải thu khác	396.716.872	206.598.134
	772.716.872	935.922.134

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.191.860.867	32.008.632.156
Công cụ, dụng cụ	1.173.451.928	1.080.173.055
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.705.250.535	8.271.506.559
Thành phẩm	12.268.694.466	16.944.053.214
Hàng hoá	1.665.565.029	2.077.343.948
	58.004.822.825	60.381.708.932

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.629.927.335	365.251.600	14.995.178.935
Số tăng trong năm	-	287.432.995	287.432.995
- Mua sắm mới	-	287.432.995	287.432.995
Số giảm trong năm	(8.392.042.242)	(77.450.000)	(8.469.492.242)
- Thanh lý, nhượng bán	(8.392.042.242)	(77.450.000)	(8.469.492.242)
Số dư cuối năm	6.237.885.093	575.234.595	6.813.119.688
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.083.682.286	191.635.706	2.275.317.992
Số tăng trong năm	149.410.416	101.576.317	250.986.733
- Trích khấu hao	149.410.416	101.576.317	250.986.733
Số giảm trong năm	(1.299.277.568)	(77.450.000)	(1.376.727.568)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(77.450.000)	(77.450.000)
- Giảm khác ⁽¹⁾	(1.299.277.568)	-	(1.299.277.568)
Số dư cuối năm	933.815.134	215.762.023	1.149.577.157
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	12.546.245.049	173.615.894	12.719.860.943
Số dư cuối năm	5.304.069.959	359.472.572	5.663.542.531

(1) Điều chỉnh khấu hao do các năm trước Công ty khấu hao nhanh quyền sử dụng đất (từ tháng 10 năm 2005 tới năm 2010). Số khấu hao điều chỉnh cho năm 2005 là 61.870.388 VND và mỗi năm (từ 2006 tới năm 2010) là 247.481.436 VND.

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	187.262.756	5.096.886.553
- Dự án Xây dựng Văn phòng Công ty tại số 8 Đông Sơn	60.918.756	-
- Dự án Trung tâm Thương mại Alta Plaza	126.344.000	4.639.743.696
- Dự án Văn phòng Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc (Công ty con)	-	457.142.857
Mua sắm tài sản cố định	1.111.776.710	-
- Máy in năm màu kỹ thuật số	1.111.776.710	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	90.909.091	188.409.091
- Tài sản tại Xí nghiệp Bao bì nhựa	90.909.091	90.909.091
- Phần mềm kế toán	-	97.500.000
	1.389.948.557	5.285.295.644

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	46.940.018.402	46.940.018.402
Số tăng trong năm	5.541.843.787	5.541.843.787
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	5.541.843.787	5.541.843.787
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	52.481.862.189	52.481.862.189
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	6.162.237.857	6.162.237.857
Số tăng trong năm	3.608.083.481	3.608.083.481
- Trích khấu hao	3.608.083.481	3.608.083.481
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	9.770.321.338	9.770.321.338
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Đầu năm	40.777.780.545	40.777.780.545
Cuối năm	42.711.540.851	42.711.540.851

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	9.935.205.286	8.399.623.670
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	6.725.279.289	5.985.878.321
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt	3.209.925.997	2.413.745.349
Đầu tư dài hạn khác	122.329.200	122.329.200
	10.057.534.486	8.521.952.870

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	TP. Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	In ấn và quảng cáo

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển Đan Việt	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh bằng giấy
Công ty Cổ phần Y tế Song An	TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Y tế, bệnh viện

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên kết, liên doanh:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên kết	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	11.916.199.885	7.957.661.611
- Tài sản dài hạn	8.505.893.627	8.320.772.758
- Nợ ngắn hạn	5.674.051.924	3.206.052.945
- Nợ dài hạn	34.656.890	18.848.420
Giá trị tài sản thuần	14.713.384.698	13.053.533.004
Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên kết	6.915.290.808	6.135.160.512
Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu	31.803.500.374	28.583.069.055
Lợi nhuận sau thuế	2.773.193.548	2.601.966.963
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết		
Tổng doanh thu	14.947.645.176	13.434.042.456
Lợi nhuận sau thuế	1.303.400.968	1.222.924.473
Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên doanh	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	2.525.368.318	3.578.962.725
- Tài sản dài hạn	5.366.035.284	4.938.879.390
- Nợ ngắn hạn	1.471.391.996	2.290.519.942
Giá trị tài sản thuần	6.420.011.606	6.227.322.173
Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên doanh	3.210.005.803	3.113.661.087
Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng doanh thu	2.383.255.153	151.456.000
Lợi nhuận sau thuế	(1.207.638.703)	(372.509.301)
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh,		
Tổng doanh thu	1.191.627.577	75.728.000
Lợi nhuận sau thuế	(603.819.352)	(186.254.651)
Đầu tư dài hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Cổ phiếu của Công ty CP Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	62.829.200
Cổ phiếu của Công ty CP Giấy Lệ Hoa	59.500.000	59.500.000
	122.329.200	122.329.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3.337.236.675	348.023.194
Chi phí xây dựng các chương trình ca nhạc	78.652.412	128.661.137
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ ⁽¹⁾	779.221.747	922.398.455
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	426.915.014	310.255.133
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	21.984.451	59.671.963
Chi phí Bảng chỉ báo có gắn màn hình Diot phát quang	-	1.548.374.138
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	32.318.182
	4.644.010.299	3.349.702.202

(1) Chi tiết giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ bao gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp Đại Lợi là 1.216.606.488 VND sau khi trừ đi phế liệu thu hồi là 100.000.000 VND được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn với số tiền 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án được xây dựng trên nền Rạp Đại Lợi. Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ thời điểm đi vào hoạt động. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2011 là 735.099.272 VND;

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBHĐQT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thụ bị dỡ bỏ để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn. Chi phí chờ phân bổ dài hạn chưa phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2010 là 44.122.475 VND.

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	22.784.202.265	23.079.811.358
Vay ngân hàng	22.784.202.265	23.079.811.358
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình (1)	22.784.202.265	17.204.219.662
- Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	-	5.875.591.696
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả (xem chi tiết tại thuyết minh số 16)	1.211.388.000	1.211.388.000
	23.995.590.265	24.291.199.358

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm 02 hợp đồng vay, cụ thể như sau:

- Hợp đồng vay số 0219/TaB1/11LD ngày 14/09/2011 với hạn mức 60.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động. Số dư Nợ gốc tại thời điểm ngày 31/12/2011 là 1.063.519 USD. Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Tổng thời hạn cho vay của Hợp đồng tín dụng này bằng thời hạn rút vốn + (cộng) với thời hạn cho vay của giấy nhận nợ cuối cùng. Lãi suất cho vay bằng VND theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời kỳ và được điều chỉnh 01 tháng/lần kể từ ngày rút vốn. Lãi suất vay USD theo thông báo của Ngân hàng tại mỗi thời điểm.
- Hợp đồng vay số 0112/TaB1/11LD với hạn mức 2.000.000.000 VND để thanh toán 70% giá trị hợp đồng LDS111117 - P16V - AMD3 ngày 18/11/2011 với thời hạn vay là 04 tháng và lãi suất 17%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	3.004.424	19.403.636
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	3.652.682	15.579.899
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	482.522.588	1.107.872.039
Thuế Thu nhập cá nhân	14.037.732	99.539.107
	503.217.426	1.242.394.681

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	1.591.420
Bảo hiểm xã hội	54.682.158	52.144.736
Bảo hiểm y tế	2.976.240	412.200
Bảo hiểm thất nghiệp	1.274.900	171.750
Quỹ sắp xếp doanh nghiệp khi cổ phần hóa	2.078.617.342	2.157.446.342
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	-	165.908.753
Nhận ứng trước tiền	-	10.930.252.000
Nhận góp vốn của Dự án Đan Việt	-	989.881.215
Phải trả về doanh thu liên kết của tòa nhà Alta - Unique	1.099.399.381	892.932.550
Phải trả, phải nộp khác	229.143.913	162.506.603
	3.466.093.934	15.353.247.569

16 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	807.177.764	2.018.565.764
Vay ngân hàng	807.177.764	2.018.565.764
- Ngân hàng TMCP ACB ⁽¹⁾	807.177.764	2.018.565.764
	807.177.764	2.018.565.764

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Vay theo hợp đồng số 84379909 ngày 19/08/2010 với hạn mức 5.000.000.000 VND để cải tạo Trung tâm Thương mại Alta Plaza (số 91B2 Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận vốn vay lần đầu tiên. Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ, lãi suất áp dụng năm 2011 dao động từ 18%/năm đến 22%/năm. Số gốc vay phải trả trong năm 2012 là 1.211.388.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.562.120.000	53.562.120.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	53.562.120.000	53.562.130.000
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	(10.000)
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	53.562.120.000	53.562.120.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.580.078.600
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	3.580.078.600

c) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.212
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.356.212	5.356.212
Số lượng cổ phiếu được mua lại	435.814	365.414
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435.814	365.414
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.920.398	4.990.798
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.920.398	4.990.798
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.242.204.294	910.934.456
Quỹ dự phòng tài chính	2.890.894.333	2.890.894.333
	4.133.098.627	3.801.828.789

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	116.691.704.591	100.815.779.477
Doanh thu cung cấp dịch vụ	47.662.512.219	31.971.315.260
	164.354.216.810	132.787.094.737

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.370.685.810	272.666.876
	1.370.685.810	272.666.876

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm, hàng hóa	115.321.018.781	100.543.112.601
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	47.662.512.219	31.971.315.260
	162.983.531.000	132.514.427.861

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	106.659.787.551	90.524.714.676
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.384.735.646	28.311.178.129
	154.044.523.197	118.835.892.805

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	2.494.577.084	2.337.732.382
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	5.322.136.158	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.831.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	625.441.595	2.293.960.738
	8.451.985.837	4.631.693.120

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.229.140.277	2.738.310.067
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	34.602.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.892.756.402	2.734.665.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.383.938.099
	5.121.896.679	6.891.516.908

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.031.165.405	7.730.400.876
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.467.954.333)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	91.609.856	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.559.564.189)	-
Tổng lợi nhuận chịu thuế	4.563.211.072	7.730.400.876
Tổng lợi nhuận tính thuế	4.563.211.072	7.730.400.876
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	370.695.042	1.369.057.720
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.107.872.039	396.378.351
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.012.831.686)	(657.564.032)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	465.735.395	1.107.872.039

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	5.896.640.711	6.625.396.768
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.896.640.711	6.625.396.768
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.922.389	4.686.780
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.198	1.414

26 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2011</u> VND	<u>Năm 2010</u> VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	1.400.000.000	2.600.000.000
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	434.536.726	2.039.769.528
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.693.755.587	1.083.105.973
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ			
- Công ty TNHH Hợp tác và Phát triển Đan Việt	Công ty liên doanh	59.942.893	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	340.091.600	174.104.750

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2011</u> VND	<u>01/01/2011</u> VND
Phải thu khác			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	376.000.000	188.000.000
Phải trả tiền hàng			
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	155.171.500	68.657.875

29 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Văn Điều
 Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	24.582.903.228	111.251.321.862	2.467.986.623	493.575.378	168.297.709	138.964.084.800
Số tăng trong năm	119.902.625	955.459.488	622.183.584	114.152.348	-	1.811.698.045
- Mua sắm mới	30.000.000	955.459.488	622.183.584	114.152.348	-	1.721.795.420
- Đầu tư XDCB hoàn thành	89.902.625	-	-	-	-	89.902.625
Số giảm trong năm	(1.094.576.363)	(5.967.935.990)	(25.000.000)	-	-	(7.087.512.353)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.967.935.990)	(25.000.000)	-	-	(5.992.935.990)
- Giảm khác (1)	(1.094.576.363)	-	-	-	-	(1.094.576.363)
Số dư cuối năm	23.608.229.490	106.238.845.360	3.065.170.207	607.727.726	168.297.709	133.688.270.492
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	8.055.427.731	52.641.309.749	1.111.884.620	296.565.517	26.564.500	62.131.752.117
Số tăng trong năm	1.639.158.940	8.801.804.491	567.819.894	60.930.401	6.981.858	11.076.695.584
- Trích khấu hao	1.639.158.940	8.801.804.491	567.819.894	60.930.401	6.981.858	11.076.695.584
Số giảm trong năm	-	(4.745.124.329)	(25.000.000)	-	-	(4.770.124.329)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.745.124.329)	(25.000.000)	-	-	(4.770.124.329)
Số dư cuối năm	9.694.586.671	56.697.989.911	1.654.704.514	357.495.918	33.546.358	68.438.323.372
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	16.527.475.497	58.610.012.113	1.356.102.003	197.009.861	141.733.209	76.832.332.683
Số dư cuối năm	13.913.642.819	49.540.855.449	1.410.465.693	250.231.808	134.751.351	65.249.947.120

(1) Giảm khác là do bán Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thuận Tiến - Long An (tên cũ là Công ty TNHH MTV Alta Tân Đức - Công ty con)

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 272.901.400 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	53.562.130.000	145.825.164.443	1.492.141.699	(7.940.239.597)	(66.885.288)	489.130.439	2.469.090.316	5.494.293.999	201.324.826.011
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	6.625.396.768	6.625.396.768
Phân phối lợi nhuận	-	-	648.803.348	-	-	421.804.017	421.804.017	(1.914.215.399)	(421.804.017)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(3.580.078.600)	(3.580.078.600)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(2.430.517.090)	-	-	-	-	(2.430.517.090)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	66.885.288	-	-	-	66.885.288
Tặng khác	-	-	-	10.000	-	-	-	-	10.000
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	(1.041.776.623)	-	-	-	(1.041.776.623)
Giảm khác	(10.000)	-	-	-	-	-	-	-	(10.000)
Số dư cuối năm trước	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(10.370.746.687)	(1.041.776.623)	910.934.456	2.890.894.333	6.625.396.768	200.542.931.737
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	5.896.640.711	5.896.640.711
Phân phối lợi nhuận ⁽¹⁾	-	-	-	-	-	331.269.838	-	(662.539.676)	(331.269.838)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(1.295.834.920)	-	-	-	-	(1.295.834.920)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	1.041.776.623	-	-	-	1.041.776.623
Tặng khác ⁽²⁾	-	-	-	-	-	-	-	71.683.043	71.683.043
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	(827.746.322)	-	-	-	(827.746.322)
Số dư cuối năm nay	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	(827.746.322)	1.242.204.294	2.890.894.333	11.931.180.846	205.098.181.034

(1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQĐHCĐ/2010 ngày 26/03/2010, cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền
- Quỹ Đầu tư phát triển	331.269.838
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331.269.838
	662.539.676

(2) Tặng khác bao gồm:

	Số tiền
	VND
- Do ảnh hưởng của Biên bản quyết toán thuế năm 2009 và năm 2010 của Công ty TNHH ITV Ứng dụng Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc (Công ty con):	64.313.327
- Do thanh lý Công ty TNHH SXTMDV Thuận Tiến - Long An	7.369.716
	71.683.043

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

27 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	115.321.018.781	47.662.512.219	-	162.983.531.000	162.983.531.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.820.033.014	100.624.847	-	5.920.657.861	5.920.657.861
Tổng chi phí mua tài sản cố định	1.721.795.420	89.902.625	-	1.811.698.045	1.811.698.045
Tài sản bộ phận	184.872.332.492	49.715.225.214	11.745.556.688	246.333.114.394	246.333.114.394
Tổng tài sản	184.872.332.492	49.715.225.214	11.745.556.688	246.333.114.394	246.333.114.394
Nợ phải trả của các bộ phận	27.449.789.718	10.275.825.985	4.183.856.123	41.909.471.826	41.909.471.826
Tổng nợ phải trả	27.449.789.718	10.275.825.985	4.183.856.123	41.909.471.826	41.909.471.826

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.